

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2021/HNGĐ-ST.**

Ngày: 23/02/2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tuấn

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Dũng

2. Bà Lữ Kim Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Thị Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Dương Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 411/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Thanh M - Sinh năm 1975

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Đ - Sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 1997 tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân là do hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, anh chị đã sống ly thân nhau hơn 03 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Lê Quang Đ, sinh năm: 1998 và cháu Lê Bùi Hương H, sinh ngày 15/9/2003. Sau khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn Đ được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng anh Lê Văn Đ vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của anh Lê Văn Đ đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thanh M.

- Tại biên bản lấy lời khai 10/12/2020 đối với bà Dương Thị Tr, là chị dâu của anh Lê Văn Đ, trình bày:

Bà là chị dâu của anh Đ, bà không chứng kiến được những mâu thuẫn cụ thể xảy ra giữa vợ chồng chị M và anh Đ, tuy nhiên bà có nghe nói là hai người xảy ra mâu thuẫn do anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, hiện nay anh Đ và chị M không sống chung với nhau. Tại Biên bản xác minh ngày 10/12/2020 của Công an xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai cung cấp: Công dân Lê Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương và hiện nay đi làm ở thành phố L, nhưng tối có trở về địa phương. Còn mâu thuẫn giữa anh Đ và chị M thì địa phương có thông tin là do anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài.

- Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (pho to - chứng thực), giấy khai sinh (bản sao), trích lục kết hôn, EMS, bản tự khai, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp: Không có.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản xác minh.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M; Về con chung: đối với con chung là Lê Quang Đ, sinh năm: 1998 đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét, giải quyết, giao cháu H cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Thanh M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; anh Lê Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh M và anh Lê Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, kết hôn tại UBND xã X vào ngày 10/12/1997. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị M nhận thấy: Theo lời trình bày của chị M, cuộc sống của anh chị không có hạnh phúc, nguyên nhân là do hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Chị và anh Đ không còn chung sống với nhau từ năm từ năm 2017 đến nay. Anh Đ vắng mặt trong tất cả các lần làm việc nên không có lời khai. Tuy nhiên theo lời khai của bà Dương Thị Tr và qua xác minh tại Công an xã X thì nhận thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Đ và chị M là do anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, hiện hai vợ chồng sống ly thân nhau hơn 03 năm. Từ đó có thể thấy, mâu thuẫn theo như lời trình bày của chị M là có thật. Trong thời gian sống ly thân, chị M và anh Đ không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị M có đơn xin không tiến hành hòa giải, anh Đ vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, chứng tỏ anh, chị không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy có thể thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị M và anh Đ không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh Đ là phù hợp.

- Về con chung: Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bùi Hương H, sinh ngày 15/9/2003 và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu Lê Quang Đ, sinh năm: 1998 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Hiện nay cháu H đang do chị M nuôi dưỡng và có nguyện vọng ở với mẹ, như vậy giao cháu Huyền cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu, anh Đ vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 40, Điều 44, Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Chị Bùi Thị Thanh M được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: giao cháu Lê Bùi Hương H, sinh ngày 15/9/2003 cho chị Bùi Thị Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Lê Quang Đ, sinh năm 1998 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Lê Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, chị Bùi Thị Thanh M và anh Lê Văn Đ được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị M đã nộp tại biên lai số 0002158 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị M đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- CCTHADS H. Cẩm Mỹ;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Tuấn